

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-ST
Ngày 18-02-2022
*Về việc tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản, mua bán
và góp hui*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Phi Long

Ông Huỳnh Văn Rô

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Rine - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Sĩ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 254/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, mua bán và góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/QĐXX-ST ngày 17 tháng 12 năm 2021 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nghiêm Thị T sinh năm 1976, địa chỉ ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị đơn: Ông Huỳnh Tấn D sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Hồng T1 sinh năm 1970. Cùng địa chỉ khóm A, phường 1, thị xã Di, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lâm Văn Th sinh năm 1979. Có mặt

2. Bà Phạm Thị Thu sinh năm 1982. Vắng mặt

3. Ông Lâm Quốc Q sinh năm 2000. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17-12-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Do quen biết với nhau nên bà cho bà Nguyễn Thị Hồng T1 và ông Huỳnh Tấn D vay số tiền hai lần; Cụ thể cho vay lần một 30.000.000 đồng và lần hai 25.000.000 đồng, lãi suất cho vay 6%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả. Bà không nhớ ngày tháng năm cho vay và lúc giao tiền không có làm biên nhận, sau đó bà kêu bà T1 viết biên nhận. Đến ngày 07-3-2017 âm lịch, bà T1 viết biên nhận thể hiện có nợ tiền vay của bà 55.000.000 đồng, trong quá trình vay bà T1 ông D không đóng lãi. Cũng trong năm 2017al, bà có bán rơm thiếu cho bà T1 ông D 1.550.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà T1 ông D trả tiền nợ vay và nợ tiền mua rơm 56.550.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 07-3-2017al cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại đơn phản tố đề ngày 17-5-2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T1 trình bày: Bà T1 thừa nhận do quen biết với nhau nên bà và ông D vay tiền bà T hai lần; Cụ thể, vay lần một 30.000.000 đồng và lần hai 25.000.000 đồng, lãi suất vay 6%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả. Lúc nhận tiền chỉ có bà đi nhận một mình, không có làm biên nhận tiền. Sau này do bà T kêu nên bà làm biên nhận đề ngày 07-3-2017al đưa cho bà T. Biên nhận do bà tự viết và tự ký tên, biên nhận thể hiện bà và ông D nợ tiền vay của bà T 55.000.000 đồng. Cũng trong năm 2017al, bà có mua rơm thiếu của của bà T và ông Th 1.600.000 đồng. Tổng số tiền bà và ông D nợ tiền bà T là 56.600.000 đồng.

Tháng 01-2016al bà bán cho ông Th bà T 01 con bò nhỏ giá 6.000.000 đồng, ngày 20-7-2018al bà bán cho ông Th bà T 02 con bò lớn giá 20.000.000 đồng nhưng ông Th bà T chưa đưa tiền. Ngày 22-7-2018al bà có đến nhà bà T trả tiền mua rơm 1.600.000 đồng nêu trên, thì bà T thỏa thuận với bà, nội dung thỏa thuận bà T ông Th thiếu tiền bò 20.000.000 đồng nêu trên bà T trừ đi phần nợ vay nêu trên. Tiền bà trả nợ mua rơm và nợ vay cho bà T là 21.000.000 đồng, bà T có viết biên nhận 21.000.000 đồng. Ngoài ra, bà còn cho rằng vào tháng 01-2018al bà trả tiền vay cho bà T 2.000.000 đồng và tháng 02-2018al trả 14.000.000 đồng, sau đó bà T có viết biên nhận tổng cộng hai lần là 16.000.000 đồng; Ngày 13-4-2018al bà trả cho bà T số tiền 2.000.000 đồng nhưng do bà T không có ở nhà nên ông Lâm Quốc Q là con bà T nhận, ngày 29-6-2018al bà trả cho bà T số tiền 1.000.000 đồng nhưng do bà T không có ở nhà nên bà Phạm Thị Thu là em bà T nhận, lúc nhận tiền ông Q bà Thu có viết biên nhận.

Tháng 8-2018al, bà T có nhận chơi dùm bà 01 phần hụi, loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, có 20 phần, hụi mở ngày 24-9-2018al. Ngày 24-9-2018al, bà T lấy biên nhận hốt hụi lại cho bà và nói hụi bà T hốt đầu tiên được số tiền 15.500.000 đồng, nhưng bà T không đưa tiền này cho bà mà bà T lấy luôn để trừ phần nợ tiền vay nêu trên. Lúc này bà có nghĩa vụ giao tiền cho bà T mỗi tháng 1.000.000 đồng để bà T đóng hụi chết đến khi kết thúc hụi. Bà đã giao tiền cho

bà T đóng hội chết tính từ ngày 24-9-2018al đến 12-10-2020al là 27 tháng với số tiền là 27.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà T ông Th trả tiền nợ mua bò 26.000.000 đồng, tiền lãi 20%/năm từ ngày 20-7-2018al đến khi giải quyết xong vụ án; Yêu cầu bà T ông Th trả lại tiền đóng hội chết 27.000.000 đồng, tiền lãi 20%/năm từ ngày 12-10-2020al đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn ông Huỳnh Tấn D ủy quyền cho bà T1 thống nhất lời trình bày và yêu cầu của bà T1.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27-3-2021 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn Th trình bày: Tháng 01/2016al ông có mua của bà T1 ông D 01 con bò nhỏ giá 6.500.000 đồng, tháng 7/2018al ông có mua của bà T1 ông D 02 con bò lớn giá 23.500.000 đồng. Lúc mua ông đã trả tiền cho bà T1 ông D xong, nhưng không cho bà T1 ông D ký biên nhận tiền, không có ai chứng kiến việc ông giao tiền. Nay ông không đồng ý trả tiền mua bò 26.000.000 đồng theo yêu cầu của bà T1 ông D.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12-11-2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Quốc Q trình bày: Ngày 13-4-2018al bà T1 có đến nhà bà T trả tiền nợ vay cho bà T số tiền 2.000.000 đồng, nhưng do bà T không có ở nhà nên ông nhận thay, số tiền này ông đã giao lại cho bà T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12-11-2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thu trình bày: Ngày 13-4-2018al bà T1 có đến nhà bà T trả tiền nợ vay cho bà T số tiền 1.000.000 đồng, nhưng do bà T không có ở nhà nên bà nhận thay, số tiền này bà đã giao lại cho bà T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự và không thuộc trường hợp thay đổi. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn và tổng đạt các văn bản tố tụng đúng thời gian luật định, tuy nhiên còn vi phạm thời hạn hoãn phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Bà Nghiêm Thị T, ông Lâm Văn Th, bà Nguyễn Thị Hồng T1 và ông Huỳnh Tấn D thống nhất có giao dịch như sau: Bà T1 ông D có vay tiền bà T số tiền là 55.000.000 đồng; Bà T1 ông D có mua rơm thiếu của bà T ông Th; Ông Th bà T có mua bò bà T1 ông D hai lần, một lần mua một con bò nhỏ, một lần mua 02 con bò lớn; Bà T thừa nhận có nhận tiền chơi hội từ bà T1.

Tuy nhiên, các bên không thống nhất nội dung như sau: Về số tiền nợ vay, bà T1 cho rằng đã trả cho bà T số tiền 3.000.000 đồng, bà T cho rằng bà T1 chưa trả. Kiểm sát viên nhận thấy bà T1 thừa nhận có vay tiền bà T là 55.000.000 đồng, do đó đây là những tiết, sự kiện không phải chứng minh theo

Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng bà T1 đã trả cho bà T số tiền 3.000.000 đồng (trong đó ông Q nhận thay 2.000.000 đồng, bà Thu nhận thay 1.000.000 đồng). Do đó, đề nghị buộc bà T1 ông D phải trả cho bà T 52.000.000 đồng và lãi 10%/năm.

Về tiền mua rom: Bà T1 ông D thừa nhận có mua rom thiếu của bà T ông Th 1.600.000 đồng, nhưng bà T ông Th chỉ yêu cầu trả 1.550.000 đồng. Do đó, đề nghị buộc bà T1 ông D trả cho bà T ông Th 1.550.000 đồng, về lãi bà T không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với tiền mua bò: Ông Th bà T thừa nhận có mua bò của bà T1 ông D hai lần, lần một mua 01 con bò nhỏ giá 6.500.000 đồng, lần hai mua 02 con bò lớn giá 23.500.000. Ông Th bà T cho rằng đã trả cho bà T1 xong nhưng không chứng minh được việc trả tiền. Bà T1 chỉ yêu cầu trả tiền mua con bò nhỏ 6.000.000 đồng, 02 con bò lớn 20.000.000 đồng. Do đó đề nghị buộc ông Th bà T trả tiền nợ mua bò cho bà T1 ông D 26.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 10%/năm.

Đối với tiền hụi: Theo đơn phản tố bà T1 yêu cầu bà T ông Th trả tiền bà đã giao cho bà T đóng hụi chết 27.000.000 đồng, nhưng tại phiên tòa bà T1 chỉ yêu cầu bà T ông Th trả 19.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả. Bà T thừa nhận có nhận tiền hụi từ bà T1 19.000.000 đồng. Do đó, đề nghị buộc bà T ông Th trả cho bà T1 ông D 19.000.000 đồng tiền hụi và lãi suất chậm trả 10%/năm. Đối với số tiền bà T1 rút là 8.000.000 đồng đề nghị đình chỉ.

Về chi phí giám định và án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định. Kiến nghị đề nghị khắc phục việc thời hạn hoãn phiên tòa chưa đúng quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn bà Nghiêm Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T1 và ông Huỳnh Tấn D trả số tiền nợ vay, tiền nợ mua rom; Bị đơn bà T1 và ông D yêu cầu bà T và ông Lâm Văn Th trả số tiền nợ mua bò và số tiền đóng hụi. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, mua bán tài sản và góp hụi được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà T1 ông D có nơi cư trú tại Khóm 4, Phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Quốc Q và bà Phạm Thị Thu tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q và bà Thu theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của T yêu cầu bà T1 ông D trả số tiền nợ vay. Hội đồng xét xử nhận thấy, bà T cho bà T1 ông D vay tiền hai lần, cụ thể; lần thứ nhất vào tháng 01/2016al với số tiền 30.000.000 đồng, lần thứ hai vào tháng

3/2016al với số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 6%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả, lúc giao tiền không có ai chứng kiến và không có làm biên nhận. Đến ngày 07-3-2017al bà T1 viết biên nhận nợ tiền bà T số tiền 55.000.000 đồng, ngày 26-8-2017al bà T1 viết tờ cam kết trả nợ cho bà T (bức lục 13 và 14). Sự kiện giao dịch nêu trên được bà T và bà T1 thừa nhận thống nhất.

[4] Tuy nhiên, bà T1 cho rằng đã trả nợ cho bà T với các lần như sau: Tháng 01/2018al trả 2.000.000 đồng và tháng 02/2018al trả 14.000.000 đồng, ngày 13-4-2018al trả 2.000.000 đồng, ngày 29-4-2018al trả 1.000.000 đồng, ngày 20-8-2018al trả 20.000.000 đồng, các lần trả nêu trên bà T có làm biên nhận (bl 17). Bà T không thừa nhận chữ viết, chữ ký trong biên nhận, Tòa án đã thực hiện trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh giám định chữ viết, chữ ký biên nhận nêu trên nhưng kết luận không giám định được. Lý do không có mẫu chữ viết, chữ ký của bà T vào các thời điểm 2017, 2018 và 2019. Tòa án đã yêu cầu các bên cung cấp mẫu chữ viết, chữ ký của bà T tại thời điểm năm 2017, 2018, 2019 nhưng bà T và bà T1 không cung cấp được. Bà T và bà T1 không yêu cầu trưng cầu giám định lại.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Q con bà T thừa nhận ngày 13-4-2018al bà T1 có trả tiền nợ vay cho bà T 2.000.000 đồng, ông nhận thay và đã giao tiền cho bà T xong. Bà Thu em bà T thừa nhận ngày 29-4-2018al bà T1 trả tiền nợ vay cho bà T 1.000.000 đồng, bà nhận thay và đã giao tiền cho bà T xong. Bà T thừa nhận có nhận tiền từ ông Q và bà Thu tổng cộng là 3.000.000 đồng, nhưng bà T cho rằng số tiền nêu trên là tiền bà T1 đưa cho bà đóng tiền hụi chết mở ngày 24-9-2018al. Hội đồng xét xử nhận thấy bà T cho rằng số tiền 3.000.000 đồng nêu trên là bà T1 đóng hụi chết là không có căn cứ. Bởi lẽ, tại thời điểm ông Q và bà Thu nhận tiền từ bà T1 là trước ngày mở hụi, trong quá trình giải quyết vụ án ông Q và bà Thu thừa nhận tiền bà T1 giao là trả tiền nợ vay cho bà T.

[6] Từ những phân tích từ mục [3] đến [5] cho thấy bà T1 thừa nhận nợ vay bà T số tiền 55.000.000 đồng, nhưng bà T1 ông D chỉ chứng minh đã trả nợ cho bà T được số tiền 3.000.000 đồng, số tiền còn lại bà T1 ông D không chứng minh được nên bà T1 ông D phải có nghĩa vụ trả nợ vay cho bà T số tiền 52.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 280 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Về lãi suất: Tại phiên tòa bà T yêu cầu bà T1 ông D trả tiền nợ lãi 10%/năm, từ ngày 07-3-2017al đến khi giải quyết xong vụ án (ngày 18-01-2022al). Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà T là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 10%/năm của số tiền 52.000.000 đồng từ ngày 07-3-2017al đến ngày 18-01-2022al là 1.728 ngày với số tiền 24.960.000 đồng. Bà T1 cho rằng đã đóng lãi từ khi kết nợ gốc 55.000.000 đồng ngày 17-3-2017al đến cuối 2017al mỗi tháng 3.300.000 đồng (bl 27), nhưng bà T1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh thể hiện đã đóng lãi

cho bà T như trên, xét thấy lời trình bày của T1 là không có căn cứ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà T thừa nhận có nhận tiền lãi của bà T1 1.800.000 đồng (bl 26). Do đó, bà T1 ông D phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ lãi cho bà T 23.160.000 đồng.

[7] Xét yêu cầu khởi kiện của T yêu cầu bà T1 ông D trả số tiền nợ mua rom. Hội đồng xét xử nhận thấy, cuối năm 2017al, bà T1 ông D có mua rom của bà T ông Th 50 cục rom, giao dịch mua bán trên được bà T1, ông D, bà T và ông Th thừa nhận. Tuy nhiên, phía bà T ông Th cho rằng ông bà bán 50 cục rom với tổng số tiền 1.550.000 đồng, phía bà T1 ông D cho rằng mua mỗi cục 32.000 đồng, tổng số tiền 1.600.000 đồng. Bà T1 cho rằng đã trả cho bà T xong và bà T có viết biên nhận (bl 17). Bà T không thừa nhận chữ viết, chữ ký trong biên nhận, Tòa án đã thực hiện trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh giám định chữ viết, chữ ký biên nhận nêu trên nhưng kết luận không giám định được như đã phân tích mục [4]. Bà T1 ông D thừa nhận nợ tiền mua rom của bà T ông Th nhưng bà T1 ông D không chứng minh được việc trả nợ. Do đó, bà T1 ông D phải có nghĩa vụ thanh toán tiền mua rom cho bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 280 và Điều 440 của Bộ luật dân sự.

Về lãi suất chậm trả: Theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu lãi suất theo mức quy định của pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T không có yêu cầu, bà T rút lại yêu cầu phần lãi (bl 94). Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Xét yêu cầu phản tố của bà T1 ông D yêu cầu bà T ông Th trả tiền nợ mua bò. Hội đồng xét xử nhận thấy, bà T1 ông D và bà T ông Th có giao dịch mua bán bò như sau: Tháng 01/2016al bà T1 ông D bán cho bà T ông Th 01 con bò nhỏ, ngày 20-7-2018al bà T1 ông D bán cho bà T ông Th 02 con lớn. Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch mua bán nêu trên được bà T1, ông D, bà T và ông Th thừa nhận thống nhất.

Tuy nhiên, các bên không thống nhất số tiền mua bán và số tiền nợ, cụ thể: Bà T1 ông D cho rằng tháng 01/2016al bà T1 ông D bán cho bà T ông Th 01 con bò nhỏ giá 6.000.000 đồng, ngày 20-7-2018al bà T1 ông D bán cho bà T ông Th 02 con bò lớn giá 20.000.000 đồng. Ông Th trình bày tháng 01/2016al ông mua của bà T1 ông D 01 con nhỏ giá 6.500.000 đồng và ngày 02-7-2018al ông mua của bà T1 ông D 02 con bò lớn với giá 23.500.000 đồng. Ông Th bà T cho rằng ông bà đã trả tiền cho bà T1 ông D xong, lúc giao tiền không có làm biên nhận và không có ai chứng kiến (bl 37, 38). Xét thấy, bà T ông Th thừa nhận có nợ tiền mua bò của bà T1 ông D. Tuy nhiên, bà T ông Th không chứng minh được việc đã trả tiền cho bà T1 ông D. Do đó, bà T ông Th phải có nghĩa vụ thanh toán tiền mua bò cho bà T1 ông D với số tiền 26.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 280 và Điều 440 của Bộ luật dân sự.

Về lãi suất chậm trả: Bà T1 ông D yêu cầu bà T ông Th thanh toán tiền lãi chậm trả 20%/năm, tính từ 20-7-2018al đến ngày 18-01-2022al. Hội đồng xét xử

nhận thấy, giữa bà T1 và bà T không có thỏa thuận về lãi suất chậm trả, nên bà T1 ông D yêu cầu mức lãi suất chậm trả 20%/năm là vượt mức lãi suất theo quy định tại Điều 280, khoản 2 Điều 357, Điều 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận lãi suất chậm trả 10%/năm của số tiền 26.000.000 đồng, tính từ ngày 20-7-2018al đến ngày 18-01-2022 al là 1.238 ngày với số tiền 8.941.111 đồng.

[9] Xét yêu cầu phản tố của bà T1 ông D yêu cầu bà T ông Th trả tiền đóng hội. Hội đồng xét xử xét thấy, Do bà T1 ông D có nợ tiền vay của bà T ông Th như đã phân tích ở mục [3] đến [6] nên tháng 8-2018al bà T và T1 có thỏa thuận bà T sẽ tham gia chơi hội dùm cho bà T1 01 phần hội, loại hội 1.000.000 đồng/tháng, đây hội có 20 phần để hốt hội trả nợ vay cho bà T và bà T1 có nghĩa vụ giao tiền cho bà T đóng hội chết đến khi kết thúc hội. Ngày 24-9-2018al bà T đem biên nhận hốt hội cho bà T1 và nói hội bà T đã hốt đầu được số tiền 15.500.000 đồng, số tiền này bà T không đưa cho bà T1 mà bà T lấy để trừ phần nợ vay nêu trên và bà T1 có nghĩa vụ đóng hội chết đến khi kết thúc hội ngày 24-5-2020al. Tuy nhiên, bà T không có tham gia chơi hội dùm cho bà T1, nhưng bà T vẫn nhận tiền đóng hội chết từ bà T1 hàng tháng, giao dịch nêu trên được bà T1 và bà T thống nhất thừa nhận (bl 25, 33, 59, 61 và 94).

Tuy nhiên, bà T1 và bà T không thống nhất số tiền bà T1 giao cho bà T để đóng hội chết; Cụ thể, bà T1 cho rằng bà đã giao cho bà T mỗi tháng 1.000.000 đồng, đưa 27 tháng với số tiền 27.000.000 đồng (bl 49). Hội đồng xét xử nhận thấy lời trình bày của bà T1 là không có cơ sở, bởi lẽ; Đây hội chỉ có 20 phần, nếu bà T hốt hội đầu tiên, thì bà T1 chỉ có nghĩa vụ giao tiền cho bà T đóng hội chết 19 lần với số tiền 19.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T thừa nhận có nhận tiền đóng hội chết từ bà T1 19 lần với số tiền 19.000.000 đồng (bl 25, 33, 61 và 95), lời trình bày của T là phù hợp với thời gian mở hội và kết thúc hội.

[10] Xét giao dịch liên quan việc bà T và bà T1 thỏa thuận bà T chơi hội dùm bà T1 và bà T có nhận tiền đóng hội từ bà T1 là có thật. Nhưng bà T không có tham gia chơi hội dùm cho bà T1, do đó bà T phải có nghĩa vụ trả lại tiền cho bà T1 ông D theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự. Theo đơn yêu cầu phản tố, bà T1 ông D yêu cầu bà T ông Th trả số tiền đóng hội 27.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T1 chỉ yêu cầu bà T ông Th trả số tiền đóng hội 19.000.000 đồng. Do đó bà T ông Th phải trả lại bà T1 ông D số tiền 19.000.000 đồng. Bà T1 ông D rút lại yêu cầu 8.000.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bà T1 ông D theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[11] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ: Theo đơn yêu cầu phản tố, bà T1 ông D yêu cầu bà T ông Th thanh toán tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ 20%/tháng từ ngày 12-10-2020al đến khi kết thúc phiên tòa xét xử sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T1 ông D không yêu cầu tính lãi (bl 95). Tuy nhiên, tại phiên tòa bà T1 tiếp tục yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ

là 20%/tháng từ ngày 12-10-2020a1 đến ngày 18-01-2022a1. Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa bà T1 và bà T không có thỏa thuận về lãi suất chậm trả, nên bà T1 ông D yêu cầu mức lãi suất chậm trả 20%/năm là vượt mức lãi suất theo quy định tại Điều 280, khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận lãi suất 10%/năm của số tiền 19.000.000 đồng, từ ngày 12-10-2020a1 đến ngày 18-01-2022a1 là 480 ngày với số tiền 2.533.333 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T cho rằng số tiền bà T1 giao cho bà đóng hụi chết, bà T có sử dụng vào việc chi tiêu, sinh hoạt gia đình và được ông Th thống nhất lời trình bày bà T (bl 61). Do đó, ông Th phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà T1 ông D số tiền nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

[12] Xét lời trình bày và đề nghị của kiểm sát viên đến việc giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận. Về phần kiến nghị vi phạm thủ tục việc thời hạn hoãn phiên tòa chưa đúng thời hạn Thẩm phán sẽ khắc phục.

[13] Về chi phí giám định: Bà Nghiêm Thị T phải chịu chi phí giám định 300.000 đồng (bl 44), ngày 28-4-2021 đã chi số tiền 300.000 đồng (bl 42), ngày 17-02-2022 bà T đã nhận lại số tiền 1.700.000 đồng. Do đó, bà T đã nộp xong chi phí giám định.

[14] Về án phí: Bị đơn bà T1 ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326 nêu trên.

Nguyên đơn bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Th phải chịu án dân sự sơ thẩm dân sự có giá ngạch đối với phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà T1 ông D được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326 nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 227, 228, 244, 264, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 357, 440, 466 và 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nghiêm Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T1 và ông Huỳnh Tấn D trả tiền nợ vay 55.000.000 đồng và trả tiền mua rom 1.550.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T1 và ông Huỳnh Tấn D có trách nhiệm trả cho bà Nghiêm Thị T số tiền vốn vay còn nợ 52.000.000 đồng; tiền lãi 23.160.000 đồng; tiền nợ mua rom 1.550.000 đồng. Tổng cộng 76.710.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Hồng T1 và ông Huỳnh Tấn D yêu cầu bà Nghiêm Thị T và ông Lâm Văn Th trả số tiền nợ mua bò 26.000.000 đồng và tiền hụi 19.000.000 đồng.

Buộc bà Nghiêm Thị T và ông Lâm Văn Th có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T1 và ông Huỳnh Tấn D số tiền mua bò còn nợ 26.000.000 đồng; tiền lãi 8.941.111 đồng và tiền hụi còn nợ 19.000.000 đồng; tiền lãi 2.533.333 đồng. Tổng cộng 56.474.444 đồng.

Kể từ ngày bản án sơ thẩm được xét xử cho đến khi thi hành án xong khoản nợ này, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nghiêm Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T1 và ông Huỳnh Tấn D trả số tiền lãi đối với phần tiền mua rom còn nợ.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Hồng T1 và ông Huỳnh Tấn D yêu cầu bà Nghiêm Thị T và ông Lâm Văn Th trả tiền hụi 8.000.000 đồng.

4. Về chi phí giám định: Buộc bà Nghiêm Thị T phải chịu chi phí giám định 300.000 đồng, nhưng bà Nghiêm Thị T đã nộp xong.

5. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T1 và ông Huỳnh Tấn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 3.835.500 đồng đối với phần yêu cầu của nguyên đơn bà T khởi kiện được chấp nhận (76.710.000 đồng x 5%), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.325.000 đồng theo biên lai thu số 0006345 ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Như vậy bà Nguyễn Thị Hồng T1 và ông Huỳnh Tấn D còn phải nộp 2.510.500 đồng.

Buộc bà Nghiêm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng (đối với phần yêu cầu khởi kiện 3.000.000 đồng không được chấp nhận). Buộc bà Nghiêm Thị T và ông Lâm Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 2.823.722 đồng đối với phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà T1 ông D được chấp nhận (56.474.444 đồng x 5%) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.388.700 đồng theo biên lai thu số 0001888 ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Như vậy bà Nghiêm Thị T và ông Lâm Văn Th còn phải nộp 1.735.022 đồng.

6. Nguyên đơn bà Nghiêm Thị T; bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T1, ông Huỳnh Tấn D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Quốc Q và bà Phạm Thị Thu có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Trung